

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG NỘI DUNG SỐ VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG NỘI DUNG SỐ VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET DIGITAL CONTENT MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETCONTENT MEDIA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109144602

3. Ngày thành lập: 26/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 269 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
2.	Đại lý du lịch	7911
3.	Điều hành tua du lịch	7912
4.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
5.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
6.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
7.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
8.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
9.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
10.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
11.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, + Thiết bị sản xuất điện ảnh, + Máy móc công nghiệp, thương mại	7730

12.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động cung cấp thông tin tín dụng, thông tin Nhà nước cấm): Chi tiết : Nhóm này bao gồm: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông	6399
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
14.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình, chương trình quảng cáo (không bao gồm sản xuất phim)	5911(Chính)
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
16.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
17.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
19.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
20.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	1820
21.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
22.	Bán buôn thực phẩm	4632
23.	Bán buôn đồ uống	4633

24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
27.	Hoạt động hậu kỳ (trừ hoạt động sản xuất phim)	5912
28.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra)	7320
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
31.	Cho thuê xe có động cơ	7710
32.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; (không bao gồm hoạt động của sân nhảy).	9329
33.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511

34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
35.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
36.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
37.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
38.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
40.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
41.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
42.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
44.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
45.	Bán buôn tổng hợp (Trừ kinh doanh dược phẩm và các hàng hóa nhà nước cấm)	4690
46.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
47.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
48.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
49.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: - Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (trong nhà hoặc ngoài trời có hoặc không có mái che, có hoặc không có chỗ ngồi cho khán giả) (Trừ câu lạc bộ bắn súng)	9311
50.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (Trừ câu lạc bộ bắn súng)	9312
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
53.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
54.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
58.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5630
59.	Xuất bản phần mềm	5820
60.	Hoạt động chiếu phim (Trừ sản xuất phim)	5914
61.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
62.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hạ tầng viễn thông và thiết lập mạng)	6311
63.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí và thông tin nhà nước cấm)	6312
64.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết : Kinh doanh bất động sản	6810

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THUY CHI	P56 B13 TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	60,000	001178017550	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.200.000	12.000.000.000	60,000		
2	LÊ NGUYỄN	A6, tổ 25A TT Địa Chính, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	C3018787	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

3	TRẦN HUYỀN TRANG	P56 B13 TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	001181001374
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	
4	BÙI THỊ MINH THẢO	Số 2, ngõ 141 Giáp Nhì, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	011949899
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	
5	BÙI THU HƯỜNG	P807-N6 ĐTM Đồng Tàu, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	001178007982
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 09/07/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C3018787

Ngày cấp: 14/08/2017

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *A6, tổ 25A TT Địa Chính, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *A6, tổ 25A TT Địa Chính, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội